TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 17/2018/ DSST
Ngày 08/6/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đình Đoài

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2/ - Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 08 tháng 06 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2018/ TLST- DS ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/ QĐXXST- DS ngày 22 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Bùi Thị H**, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B 1, xã T T, huyện V T, Thành phố Cần Thơ

Bị đơn: **Chị Đỗ Thị Mỹ P**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K 10 A, xã T Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Bạch M, sinh năm 1989 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày: Vào ngày 29/8/2017 cô Đỗ Thị Mỹ P có vay của tôi số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất là 4%/tháng, đóng lãi hàng

tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Khi vay tiền giữa hai bên có làm hợp đồng vay vốn (bằng giấy tay) ngày 29/8/2017. Khi đến hạn đóng lãi và trả nợ thì cô P không đóng lãi và trả nợ cho tôi. Cô P hẹn tôi trả nợ nhiều lần mà không trả nợ mặc dù tôi có đến nhà cô P đòi nợ nhiều lần nhưng cô P vẫn không thực hiện việc trả nợ,

Nay tại phiên tòa tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc cô Đỗ Thị Mỹ P phải trả nợ cho tôi tổng cộng số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị Đỗ Thị Mỹ P trình bày: theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 21/5/2018 của tôi cũng như lời khai tại phiên tòa hôm nay thì tôi thừa nhận chữ ký và chữ viết trong hợp đồng vay vốn (giấy tay) ngày 29/8/2017 là của tôi, tôi thừa nhận có vay tiền của bà Bùi Thị H số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng, tôi đã trả nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho bà H nhưng tôi không trực tiếp đưa tiền trả nợ cho bà H mà tôi đưa tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho cô Phạm Thị Bạch M (là con dâu của bà H) để cô M đưa số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) trả cho bà H, lúc tôi đưa tiền cho cô M giữa hai bên có làm biên nhận ngày 29/10/2017. Lý do tôi đưa tiền cho cô M để trả nợ cho bà H, bởi vì cô M là con dâu bà H và đồng thời là cô giáo đồng nghiệp dạy chung trường tiểu học Thạnh Đông B2 với tôi, do đó tôi tin tưởng cô M, tôi đưa tiền trả nợ bà H cho cô M, để cô M đưa tiền lại cho bà H. Tuy nhiên hiện nay cô M đã lấy 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của tôi để sử dụng vào việc cá nhân mà không đưa 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của tôi để trả nợ cho bà H.

Nay tại phiên tòa tôi thừa nhận có nợ bà H số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nhưng tôi có trả nợ gốc cho con dâu bà H là cô Phạm Thị Bạch M, tôi không có trực tiếp trả nợ gốc cho bà H. Nay bà H yêu cầu tôi trả nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) thì tôi không đồng ý trả nợ gốc cho bà Huệ, vì tôi đã trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho cô Phạm Thị Bạch M là con dâu của bà H rồi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Bạch M trình bày: qua lời trình bày của nguyên đơn bà Bùi Thị H và bị đơn chị Đỗ Thị Mỹ P thì tôi thừa nhận có nhận tiền của chị P là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để trả cho mẹ chồng tôi là bà

Bùi Thị H, lúc nhận tiền của chị P thì giữa hai bên có làm biên nhận ngày 29/10/2017. Do lúc đó tôi đang gặp khó khăn về kinh tế nên tôi đã giữ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của chị P lại để sử dụng vào việc cá nhân của tôi nên tôi không đưa 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của chị P cho mẹ chồng tôi.

Nay tại phiên tòa tôi thừa nhận có nhận 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của chị P để trả cho mẹ chồng tôi, tôi sẽ đứng ra trả lại 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho mẹ chồng tôi là bà Bùi Thị H. Tôi xin trả dần cho mẹ chồng tôi là bà H trong 10 năm từ năm 2019 đến năm 2029 là hết nợ, mỗi năm tôi trả cho bà H là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Thời gian bắt đầu trả nợ vào ngày 30/4/2019 tôi trả 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa bà Bùi Thị H với chị Đỗ Thị Mỹ P là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị H yêu cầu chị Đỗ Thị Mỹ P trả nợ cho bà số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì bà H có cho chị P vay tiền vào ngày 29/8/2017 với số tiền gốc là 50.000.000đ (năm

mươi triệu đồng), lúc vay giữa hai bên có làm hợp đồng vay vốn (giấy tay) ngày 29/8/2017, đến nay chị P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị P trả cho bà số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Lời yêu cầu của bà H phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của bị đơn chị Đỗ Thị Mỹ P cho rằng chị có trả nợ gốc cho con dâu bà H là cô Phạm Thị Bạch M, chị P không có trực tiếp trả nợ gốc và cho bà H. Nay bà H yêu cầu chị P trả nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) thì chị P không đồng ý trả nợ gốc cho bà H, vì chị P đã trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho cô Phạm Thị Bạch M là con dâu của bà H rồi. Lời yêu cầu của chị P thì không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì chị P là người vay tiền của bà H số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), khi đến hạn thì chị P là bên vay phải trả nợ cho bên cho vay là bà H. Tuy nhiên chị P lại trả nợ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho cô Phạm Thị Bạch M là con dâu bà H, mà cô M không phải là người cho chị P vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Chính vì vậy bác lời yêu cầu của chị Đỗ Thị Mỹ P.

[4] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **c**hị Phạm Thị Bạch M yêu cầu xin trả dần cho bà H trong 10 năm từ năm 2019 đến năm 2029 là hết nợ, mỗi năm chị M trả cho bà H là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Thời gian bắt đầu trả nợ vào ngày 30/4/2019 chị M trả 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho bà H. Lời yêu cầu của chị M thì không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì bà H không có cho chị M vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), và giữa bà H và chị M không có bất cứ thỏa thuận nào về việc vay tiền, theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Về án phí DSST: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà H số tiền là 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007942 ngày 17/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc chị Đỗ Thị Mỹ P phải nộp: 50.000.000đ x 5% = 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng Điều 463 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn của bà Bùi Thị H.

3/ Bác lời yêu cầu của bị đơn chị Đỗ Thị Mỹ P.

4/ Buộc chị Đỗ Thị Mỹ P trả cho bà Bùi Thị H số tiền gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Bùi Thị H có đơn yêu cầu Thi hành án nếu chị Đỗ Thị Mỹ P không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5/ Về án phí DSST:

- Buộc chị Đỗ Thị Mỹ P nộp 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Bùi Thị H số tiền là 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007942 ngày 17/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Bùi Thị H, chị Đỗ Thị Mỹ P, chị Phạm Thị Bạch M biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nông Đình Đoài